TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T D** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2022/QĐST-HNGĐ	*T D, ngày 04 tháng 03 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh L V U. Sinh năm 1992

Trú tại: Bản N B, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Chị M Th L. Sinh năm 1995

Trú tại: Bản N B, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh L V U. Sinh năm 1992

Trú tại: Bản N B, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Chị M Th L. Sinh năm 1995

Trú tại: Bản N B, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Anh L V U và chị M Th L thỏa thuận nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh L V U và chị M Th L thỏa thuận:

+ Giao cháu L Th Ng L, sinh ngày 19/11/2013 cho chị M Th L chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành;

+ Giao cháu L Tr Gi, sinh ngày 12/7/2016 cho anh L V U chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành;

+ Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị L, anh U.

+ Anh U, chị L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Anh L V U và chị M Th L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016, anh L V U và chị M Th L thỏa thuận anh L V U tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0010586 ngày 10 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An. Trả lại cho anh U 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
-VKSND huyện T D;
- Cơ quan THADS T D;
- Các đương sự;
- UBND xã X L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Thị Ái